

Cởi áo cà sa khoác chiến bào và tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam

ISSN: 2734-9195 11:05 12/09/2025

Hưởng ứng lời kêu gọi của non sông, ngày 27/02/1947, Hòa thượng Thích Thế Long và 26 tăng ni của chùa Cổ Lễ đã làm lễ phát nguyện “cởi áo cà sa, mặc chiến bào” tạm gác việc đạo tình nguyên lên đường ra trận đối mặt với kẻ thù, giành lại tự do cho dân tộc...

Tác giả: **TS. Nguyễn Văn Anh (1) - CN. Nguyễn Thị Hương (2)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Phật giáo được du nhập vào Việt Nam từ những thế kỷ đầu công nguyên, với triết lý từ bi, hỷ xả, hướng con người đến cái thiện, rất gần gũi với tâm thức của Việt - những cư dân nông nghiệp trồng lúa nước do vậy Phật giáo đã nhanh chóng được cư dân người Việt đón nhận và rồi ngấm sâu vào tâm hồn, lối sống của người Việt hàng nghìn năm qua.

Với vị trí địa văn hóa nằm trên “ngã tư đường của các nền văn minh”, trong quá trình tồn tại và phát triển hàng nghìn năm của lịch sử Phật Giáo Việt Nam, Phật giáo Việt Nam đã hấp thụ nhiều dòng phái Phật giáo Ấn Độ, Trung Hoa, Trung Á... rồi hợp lưu lại, được Việt Nam hóa và dân gian hóa mà thấm đượm vào lòng (tâm) từ vua quan, vương hậu, vương phi, quý tộc... cho đến người dân thường ở làng xã, chính điều đó đã tạo nên bản sắc của Phật giáo Việt Nam, trong đó đặc trưng nổi trội đó chính là tinh thần nhập thế.



Đại tá Đinh Thế Hinh (ảnh: Internet)

Tiếp thu tinh túy tự do, bình đẳng, tinh tấn của đức Phật, đức Phật dạy: “Ta là Phật đã thành (Phật, tiếng Phạn là Buddha, tức là người đã giác ngộ) còn toàn thể chúng sinh là những đức Phật sẽ thành” (ai cũng có thể giác ngộ). Phật tử Việt Nam đã tiếp thu tinh thần Đại Hùng, Đại Lực, Đại Trí, Đại Từ, Đại Bi... của Đức Phật nên một mặt rất anh dũng đấu tranh lật đổ mọi ách đô hộ thực dân của giặc ngoài, mọi “hôn quân ám chúa”, quan tham lại những ở trong nước, một mặt khác củng cố, phát triển tình thương trong gia đình, họ hàng, xóm làng, vùng miền, đất nước để cuối cùng kết tinh nên triết lý “Thương người như thể thương dân, Người trong một nước phải thương nhau cùng”. Một mặt, trong đời sống thường ngày Phật tử cố gắng ăn ở hiền lành (“hiền lành như Bụt”), nhưng một mặt khác, khi trong xã hội còn những thế lực dữ ác thì cũng biết phát huy tinh thần trí, dũng để diệt trừ dữ-ác để tạo lên những con người “thân mang gươm tay mềm mại bút hoa”. Những tinh thần ấy của Phật tử Việt Nam đã lan truyền và ảnh hưởng đến hết thầy cộng đồng, trở thành lối ứng xử chung của người Việt Nam, nó ăn sâu và thấm đẫm trong văn hóa của người Việt Nam, trở thành “gen văn hóa” của người Việt Nam.

Cùng với những giá trị tư tưởng của giáo lý Phật giáo, sự hoạt động tích cực của giới tăng sĩ Phật giáo đã góp phần quan trọng khiến Phật giáo trở nên gần gũi với đông đảo người Việt từ ngàn đời nay. Giới nghiên cứu Phật học đều nhất trí cho rằng, chính các thiền sư như Cầm Thành (860), Định Không (808) cùng trưởng lão La Quý An, Thiền Ông (936)... đã đặt những nền tảng đầu tiên chuẩn bị cho nền tự chủ lâu dài của nước Việt Nam thế kỷ X (938) và còn biết bao vị thiền sư khác như: Vạn Hạnh, Pháp Thuận, Đa Bảo, Viên Chiếu... đã góp phần

tích cực vào việc củng cố và giữ gìn nền độc lập dân tộc. Trong mọi lĩnh vực đối nội, ngoại giao, văn hóa, xã hội trong giai đoạn đầu Đại Cồ Việt, Đại Việt xây dựng nền độc lập và phục hưng văn hóa dân tộc sau nghìn năm Bắc thuộc đều thấy dấu ấn của các vị cao tăng Phật giáo.

Ngôi chùa không chỉ là nơi thờ tự, nơi tu hành và tổ chức các nghi lễ Phật giáo mà chùa thực sự còn là nơi lưu giữ các giá trị văn hóa của dân tộc, trung tâm văn hóa của cộng đồng làng xã hay của cả một khu vực. Chùa thường thường là những công trình kiến trúc tiêu biểu, nơi hội tụ những giá trị của nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc, lịch sử phát triển của kiến trúc chùa tháp đóng góp quan trọng trong sự phát triển của nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc Việt Nam. Không chỉ có vậy, chùa là nơi dạy học, là nơi cấp thuốc cho cộng đồng,... Trong cuộc sống, khi buồn phiền hay lúc gặp việc chẳng lành người ta tìm đến chùa để tìm niềm an ủi, niềm giải thoát; với mỗi người, đặc biệt là người phụ nữ, chùa là nơi “vui” lúc về già. Do vậy, chùa không chỉ chữa thân bệnh mà còn là nơi chữa tâm bệnh; là nơi gửi gắm và mang lại sự bình an trong tâm hồn của con người. Tất cả những điều đó càng làm cho Phật giáo gần gũi với cộng đồng, với nhân dân hơn, khiến Đạo Phật ngấm dần vào lòng dân như nước ngấm dần vào đất.

Dưới thời Đinh - Lê - Lý - Trần (968-1400), với vai trò là quốc giáo, Phật giáo đã tác động hết sức mạnh mẽ đến đời sống xã hội, tư tưởng từ bi, hỉ xả của Đạo Phật đã chi phối đời sống chính trị giai đoạn này do vậy, nền quân chủ Đại Việt thời Đinh-Lê-Lý-Trần được coi là nền Quân chủ Phật giáo với sự xuất hiện của nhiều vị vua nhân từ, hỉ xả... như Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông... Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông, Trần Minh Tông v.v... cùng giới quan chức và quý tộc thời ấy, như Thái úy Lý Thường Kiệt vị nguyên soái “phật Tống, bình Chiêm” mà văn bia của một vị thiền sư viết: “Ông Lý tuy thân phải dấn trong cõi đời bụi bặm, nhưng tâm từ lâu đã thuộc Phật”, như thái hậu Ý Lan bàn bạc cùng quốc sư Thông Biện và bậc đại thiền sư khác về lịch sử và yếu chỉ của Phật Giáo Việt Nam, trị quốc thay vua để vua đi đánh giặc, cấm lạm sát trâu bò để phát triển nền sản xuất nông nghiệp, bỏ tiền kho để chuộc các cô gái nhà nghèo bị gán nợ cho nhà giàu làm tôi tớ, rồi gả chồng cho họ - đúng với tinh thần “bố thí” của Phật giáo...

Đỉnh cao của tinh thần nhập thế của Phật giáo thời Trần chính là sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm, với người sáng lập là Phật Hoàng Điều Ngự Trần Nhân Tông, việc vua Trần Nhân Tông sau khi đã dẹp yên giặc Nguyên Mông đã xuất gia tu hành ở trên núi đã thể hiện tột đỉnh của «Phật đẳng hăng sa» sống cuộc sống “cư trần lạc đạo”, triết lý của Ngài đã chỉ rõ xuất gia không có nghĩa là ra khỏi nhà thế tục, ra khỏi tam giới và ra khỏi phiền não, tức là bỏ cuộc đời, là bỏ

phiền não của tâm và lìa bỏ thế giới sống, không có ý niệm ra khỏi cuộc đời, không tìm an lạc giải thoát ở ngoài cuộc đời, mà tất cả những gì tốt lành đều hiện hữu đầy đủ trong cuộc sống nhân gian này, nó hết sức tự nhiên như “ Đói cứ ăn no, mệt ngủ liền”.

Có lẽ chính nhờ triết lý đó mà biết bao nhiêu người đã xuất gia tu hành nhưng khi giặc đến sẵn sàng khoác chiến bào đi dẹp giặc, giặc lui thì cởi “chiến bào” trở về chùa tụng kinh, niệm Phật.

Cách mạng Tháng 8, năm 1945 thành công, những tưởng nước ta trở thành một nước độc lập, dân ta được hưởng tự do lâu dài, xây dựng đất nước sau gần trăm năm đô hộ, nhưng Thực dân Pháp đã quay trở lại vì chúng muốn chiếm nước ta lần nữa. Ngày 19/12/1946 từ Chùa Trầm (Hà Nội) Hồ Chủ Tịch đã hiệu triệu con dân nước Việt, “bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không phân chia tôn giáo” cứ là người Việt Nam thì đứng lên chống thực dân Pháp bằng bất kỳ vũ khí nào mình có.

Hưởng ứng lời kêu gọi của non sông, ngày 27/02/1947, Hòa thượng Thích Thế Long và 26 tăng ni của chùa Cổ Lễ đã làm lễ phát nguyện “cởi áo cà sa, mặc chiến bào” tạm gác việc đạo tình nguyện lên đường ra trận đối mặt với kẻ thù, giành lại tự do cho dân tộc, thể hiện và tiếp nối tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam trong suốt dòng chảy hàng nghìn năm của lịch sử Phật giáo Việt Nam. Sau năm 1975, đất nước được hòa bình, thống nhất, nhiều cô gái Thanh niên xung phong đã hiến dâng tuổi thanh xuân cho tổ quốc, hòa bình lập lại đã tìm về nương tựa dưới bóng bồ đề. Chùa là nơi xuất phát và cũng là chốn bình yên để chờ về của những người hiến dâng thanh xuân cho quốc gia, dân tộc.

Tác giả: **TS. Nguyễn Văn Anh - CN. Nguyễn Thị Hương**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Hà Nội, 3 tháng 8 năm 2025.

Chú thích:

1) Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQGHN.

2) Trưởng phòng VHXX xã Ninh Giang, tỉnh Ninh Bình.